

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **351/2026/DS-PT**
Ngày 13-7-2026.

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung.

Các Thẩm phán:

Ông Y Phi Kbuôr;

Ông Lê Ngọc Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thê - Thẩm tra viên TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: bà Trương Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 158/2026/TLPT-DS ngày 26/5/2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2026/DS-ST ngày 25/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 289/2026/QĐXX-PT ngày 12/6/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 346/2026/QĐ-PT ngày 30/6/2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1957; địa chỉ: Tổ dân phố H, xã L, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà S: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ dân phố C, xã K, tỉnh Đắk Lắk (văn bản ủy quyền đề ngày 16/12/2025), vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1963; địa chỉ: Số nhà A, đường Y, thôn T, xã K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L: Ông Võ Ngọc C, sinh năm 1979; địa chỉ: số D L, xã K, tỉnh Đắk Lắk. (văn bản ủy quyền đề ngày 15/12/2025), có mặt.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Ngọc L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**/ Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị S, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim T trình bày có nội dung:*

Do quen biết nhau từ trước, bà Nguyễn Thị S làm thủ quỹ Lâm trường huyện L (cũ) còn ông Nguyễn Ngọc L làm nhân viên hợp đồng Lâm trường huyện K (cũ) nên vào ngày 02/7/2007 bà Nguyễn Thị S đã cho ông Nguyễn Ngọc L vay số tiền

100.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận lãi suất vay bằng miệng là 1%/1 tháng, thời hạn vay từ ngày 02/7/2007 đến ngày 20/11/2007 âm lịch, tức là ngày 29/12/2007 dương lịch. Tiếp đến ngày 07/01/2008 ông L vay thêm của bà S số tiền 50.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận lãi suất vay bằng miệng là 1%/1 tháng, thời hạn vay từ ngày 07/01/2008 đến ngày 30/4/2008. Hai lần vay đều do ông L viết, có chữ viết và chữ ký xác nhận của ông Nguyễn Ngọc L. Tổng cộng bà S đã cho ông L vay tổng số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Từ khi hết hạn vay đến nay ông L chưa trả cho bà S số tiền gốc và lãi mặc dù bà đã đòi nhiều lần. Vì vậy, bà S làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông L phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà S số tiền vay gốc và tiền lãi suất phát sinh tạm tính đến ngày 17/11/2025 là 370.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi triệu đồng). Trong đó tiền vay gốc còn nợ là 150.000.000 đồng, tiền lãi suất phát sinh là 220.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bà S xin thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền lãi suất phát sinh, bà S chỉ yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông L phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà S số tiền vay gốc còn nợ là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

**/ Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn ông Nguyễn Ngọc L là ông Võ Ngọc C trình bày có nội dung: Ông Nguyễn Ngọc L xác định có vay của bà S số tiền 150.000.000 đồng và sự thỏa thuận giữa hai bên về lãi suất vay, thời hạn trả là hoàn toàn đúng sự thật. Tuy nhiên, ông L đã hoàn trả đủ cho bà S toàn bộ số tiền mặt theo đúng hạn cam kết, vì tin tưởng nhau nên ông L không cần bà S viết giấy xác nhận là đã trả nợ, bởi vì nếu ông L không trả thì bà S sẽ không cho ông L chở các chuyến gỗ kế tiếp. Hiện nay, ông L không có bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho việc ông L đã hoàn trả tiền cho bà S. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà S thì ông L không đồng ý. Ông L đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S.*

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2026/DS-ST ngày 25/3/2026 của Toà án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk đã quyết định:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 184, Điều 203, Điều 217, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 429 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 2 Luật Người cao tuổi; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S.

Buộc ông Nguyễn Ngọc L phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền vay gốc còn nợ là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S đối với số tiền lãi suất phát sinh là 220.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu đồng). Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S được quyền khởi kiện lại đối với số tiền lãi suất phát sinh là 220.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu đồng) theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/4/2026, bị đơn ông Nguyễn Ngọc L kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với nội dung yêu cầu ông Nguyễn Ngọc L phải trả cho bà S số tiền 150.000.000 đồng, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án, xét thấy không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Ngọc L. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Ngọc L, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Ngọc L trong hạn luật định và ông được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên kháng cáo hợp lệ. Do đó, vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Ngọc L, thấy rằng:

Tại giấy vay tiền đề ngày 02/7/2007 dương lịch thể hiện ông Nguyễn Ngọc L vay của bà Nguyễn Thị S số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn thanh toán đến ngày 20/11/2007 âm lịch, tức là ngày 29/12/2007 dương lịch. Tại giấy biên nhận đề ngày 07/01/2008 ông L vay của bà S số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn thanh toán đến ngày 30/4/2008. Hai giấy trên đều do ông L viết, có chữ viết và chữ ký xác nhận của ông Nguyễn Ngọc L. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn

Ngọc L thừa nhận nội dung trên. Ý kiến của ông L cho rằng đã hoàn trả đủ cho bà S toàn bộ số tiền mặt theo đúng hên cam kết, vì tin tưởng nhau nên ông L không cần bà S viết giấy xác nhận là đã trả nợ. Xét thấy bà S vẫn còn lưu giữ các giấy vay tiền, giấy biên nhận gốc, ông L cho rằng đã trả đủ tiền nhưng không được bà S thừa nhận và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì chứng minh đã trả xong khoản vay trên cho bà S. Do đó, tòa án cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông L có nghĩa vụ trả cho bà S số tiền 150.000.000 đồng là có căn cứ.

[3]. Từ những phân tích và nhận định trên, xét thấy nội dung kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Ngọc L là không có cơ sở để chấp nhận, nên cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2026/DS-ST ngày 25/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - tỉnh Đắk Lắk.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo ông Nguyễn Ngọc L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông L là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn giảm án phí nên cần miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông L là phù hợp.

[5]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 429 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Ngọc L. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2026/DS-ST ngày 25/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S.

Buộc ông Nguyễn Ngọc L phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền vay gốc còn nợ là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S đối với số tiền lãi suất phát sinh là 220.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu đồng). Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S được quyền khởi kiện lại đối với số tiền lãi suất phát sinh là 220.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu đồng) theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo

mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Ngọc L được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[3]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 36 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 4 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS Khu vực 4 – Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhung